

Số: /HD-SYT

Thái Nguyên, ngày tháng 12 năm 2025

HƯỚNG DẪN

Thực hiện Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND ngày 28/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND ngày 28/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (viết tắt là Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND);

Thực hiện Công văn số 4949/UBND-KGVX ngày 31/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc triển khai Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND ngày 28/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các sở, ngành, địa phương. Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND như sau:

I. HỒ SƠ, THỦ TỤC GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ CHO ĐỐI TƯỢNG

1. Hồ sơ, thủ tục giải quyết trợ cấp hàng tháng đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai của đối tượng theo mẫu số 1đ ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

- Bản sao một trong các giấy tờ sau: Quyết định hưởng chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học của ông hoặc bà (nội/ngoại) của đối tượng; quyết định hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học (bố đẻ hoặc mẹ đẻ của đối tượng).

b) Trình tự, thủ tục: Thực hiện theo quy định tại Điều 5, Nghị định số 147/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

2. Hồ sơ, thủ tục giải quyết trợ cấp hàng tháng đối với đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND

a) **Thành phần hồ sơ:** Tờ khai của đối tượng theo mẫu số 1a ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

b) **Trình tự, thủ tục:** Thực hiện theo quy định tại Điều 5, Nghị định số 147/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

3. Hồ sơ, thủ tục giải quyết trợ cấp hàng tháng đối với đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND

a) **Hồ sơ:** Tờ khai của đối tượng theo Mẫu ban hành kèm theo Hướng dẫn này.

b) **Trình tự, thủ tục:** Thực hiện theo quy định tại Điều 5, Nghị định số 147/2025/NĐ-CP của Chính phủ và khi nộp hồ sơ phải xuất trình giấy tờ chứng minh có thành viên trong gia đình là người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, để cán bộ tiếp nhận hồ sơ đối chiếu xác định đối tượng.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành triển khai thực hiện chế độ, chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng khó khăn khác được hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên quy định tại Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh và các văn bản hướng dẫn thi hành.

b) Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kinh phí bảo đảm thực hiện chế độ, chính sách trợ giúp xã hội theo quy định.

c) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND theo quy định.

2. Sở Tài chính

Hàng năm, căn cứ vào văn bản hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước của cấp có thẩm quyền và dự toán kinh phí thực hiện chế độ chính sách theo Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND các cơ quan, đơn vị, địa phương; Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo, tham mưu trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện chế độ, chính sách theo quy định.

3. UBND các xã, phường

a) Tổ chức thực hiện chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn theo quy định. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về trợ giúp xã hội; nâng cao nhận thức, trách nhiệm các cấp, các ngành và cộng đồng; tổ chức

triển khai thực hiện chính sách trợ giúp xã hội kịp thời, công khai, minh bạch; thực hiện tiếp nhận, giải quyết hồ sơ trợ giúp xã hội kịp thời, đúng đối tượng, quy trình, thủ tục hành chính hiện hành.

b) Rà soát, xét duyệt và ban hành quyết định hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng cho đối tượng đủ điều kiện hưởng theo quy định tại Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND.

c) Lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp xã hội theo quy định tại Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND, gửi Sở Tài chính tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phân bổ kinh phí thực hiện, đảm bảo kịp thời, đúng quy định.

d) Báo cáo kết quả thực hiện chính sách trợ giúp xã hội theo quy định tại Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND gửi Sở Y tế.

4. Cơ sở trợ giúp xã hội

Hằng năm, lập dự toán kinh phí thực hiện chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng theo mức quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, Thông tư số 76/2021/TT-BTC và mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND gửi Sở Y tế, Sở Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

Trên đây là Hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND ngày 28/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Y tế, Sở Tài chính để phối hợp với các đơn vị liên quan giải quyết hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- UBND các xã, phường (t/h);
- Các Sở: Tài chính, Tư pháp, Nội vụ (p/h);
- Đ/c Giám đốc Sở (để b/c);
- Các Đ/c Phó Giám đốc Sở;
- Các cơ sở TGXH (t/h);
- Phòng KHTC (p/h);
- Lưu: VT, DSBTXHTE.

Hienhtt

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Đức Hiếu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ TRỢ GIÚP XÃ HỘI

(Áp dụng đối với đối tượng quy định tại Khoản 3, Điều 2 quy định tại Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND ngày 28/10/2025 của HĐND tỉnh)

I. THÔNG TIN VỀ HỘ GIA ĐÌNH NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG THUỘC HỘ NGHÈO

1. Họ và tên chủ hộ (Viết chữ in hoa):

- Ngày/tháng/năm sinh:...../...../..... Giới tính.....Dân tộc:

- Giấy CMND hoặc Căn cước công dân số

- Cấp ngày...../...../..... Nơi cấp:

- Quan hệ với Người có công:.....

2. Nơi đăng ký thường trú của hộ gia đình:

.....
.....

3. Họ và tên Người có công:

- Thuộc đối tượng nào theo Pháp lệnh ưu đãi Người có công với Cách mạng:

.....
.....

- Đang hưởng mức trợ cấp ưu đãi:đồng/tháng

4. Số thành viên trong hộ: người.

5. Giấy chứng nhận hộ nghèo số:..... Cấp ngày

II. THÔNG TIN THÀNH VIÊN TRONG GIA ĐÌNH NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG LÀ HỘ NGHÈO THUỘC DIỆN HƯỞNG HỖ TRỢ HÀNG THÁNG

1. Người thứ nhất:

1.1. Họ và tên (Viết chữ in hoa):

Ngày/tháng/năm sinh:...../...../..... Giới tính.....Dân tộc:

Giấy CMND hoặc CCCD số:

Cấp ngày...../...../..... Nơi cấp:

1.2. Quan hệ với Người có công:.....

1.3. Thuộc đối tượng nào tại Khoản 3, Điều 2, Nghị Quyết 22/2025/NQ-HĐND:

.....
.....

1.4. Đang hưởng chế độ nào sau đây:

- Lương hưu/Trợ cấp BHXH hàng tháng:.....đồng. Hưởng từ tháng...../.....
 - Trợ cấp hưu trí xã hội hàng tháng:.....đồng. Hưởng từ tháng...../.....
 - Trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng:đồng. Hưởng từ tháng...../.....
 - Trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng:đồng. Hưởng từ tháng.../.....
 - Trợ cấp, phụ cấp hàng tháng khác:.....đồng. Hưởng từ tháng/.....
2. Người thứ hai (nếu có, ghi đầy đủ thông tin như người thứ nhất)
3. Người thứ

Tôi xin cam đoan những nội dung trong tờ khai là đúng sự thực, nếu có điều gì khai không đúng, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm./.

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Thông tin người khai thay

Giấy CMND hoặc Căn cước công dân số:
.....
Ngày cấp:....., Nơi cấp:
Mối quan hệ với đối tượng:.....
Địa chỉ:.....

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên, Trường hợp khai thay phải ghi đầy đủ thông tin người khai thay)